

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 11/10/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB12958	Đinh Thị Quỳnh	An	28/03/1996	Nữ	6,67	7,5	Đạt	
2	BKCB12959	Hà Thị Mai	Anh	07/06/2004	Nữ	6,33	5,0	Đạt	
3	BKCB12960	Nguyễn Gia	Bảo	01/01/2004	Nam	6,67	8,67	Đạt	
4	BKCB12961	Nguyễn Thái	Bình	08/06/1991	Nam	9,0	7,5	Đạt	
5	BKCB12962	Phạm Thái Nhật	Bình	17/12/2005	Nữ	9,67	5,33	Đạt	
6	BKCB12963	Phạm Gia	Đạt	27/11/2003	Nam	5,67	4,17	Không đạt	
7	BKCB12964	Trần Phan Bá	Đạt	08/12/1997	Nam	6,33	8,0	Đạt	
8	BKCB12965	Nguyễn Bích Ngọc	Diệp	01/11/2005	Nữ	9,0	6,33	Đạt	
9	BKCB12966	Đoàn Thị	Dung	10/09/1977	Nữ	8,0	5,0	Đạt	
10	BKCB12967	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	13/12/2004	Nữ	4,33	0,0	Không đạt	
11	BKCB12968	Trần Nguyễn Ngọc	Duy	27/01/2008	Nam	8,33	8,0	Đạt	
12	BKCB12969	Trương Quế	Duyên	27/12/1999	Nữ	9,67	9,33	Đạt	
13	BKCB12970	Cam Gia	Hân	14/09/2004	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
14	BKCB12971	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hân	28/07/2003	Nữ	8,67	7,33	Đạt	
15	BKCB12972	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	11/05/2005	Nữ	9,67	9,33	Đạt	
16	BKCB12973	Tổng Gia	Hân	01/01/2006	Nữ	9,0	9,67	Đạt	
17	BKCB12974	Mai Huỳnh Anh	Hào	22/04/2002	Nam	8,0	9,0	Đạt	
18	BKCB12975	Lê Thị	Hào	01/09/2005	Nữ	10,0	9,67	Đạt	
19	BKCB12976	Đồng Thị Diệu	Hiền	24/08/2004	Nữ	8,0	9,33	Đạt	
20	BKCB12977	Mai Thanh	Hiền	24/06/2005	Nữ	5,67	9,33	Đạt	
21	BKCB12978	Lê Minh	Hoàn	21/01/2001	Nam	6,67	9,33	Đạt	
22	BKCB12979	Trần Ngọc	Hường	23/03/2006	Nữ	9,67	9,33	Đạt	
23	BKCB12980	Chu Cao Quốc	Huy	09/10/2003	Nam				Vắng
24	BKCB12981	Nguyễn Khắc	Huy	11/04/2002	Nam	4,33	0,0	Không đạt	
25	BKCB12982	Nguyễn Tấn Huy	Khôi	11/01/2005	Nam	7,0	9,67	Đạt	
26	BKCB12983	Trần	Kỳ	27/01/2005	Nữ	9,0	7,0	Đạt	
27	BKCB12984	Nguyễn Gia	Lạc	17/10/2007	Nam	8,0	7,0	Đạt	
28	BKCB12985	Nguyễn Huỳnh	Lâm	26/02/1992	Nam	9,0	9,5	Đạt	
29	BKCB12986	Lê Nguyễn Văn	Linh	11/12/2003	Nữ	8,33	9,33	Đạt	
30	BKCB12987	Lê Thị Diệu	Linh	03/05/2006	Nữ	9,0	9,0	Đạt	
31	BKCB12988	Lê Thị Thùy	Linh	06/07/2005	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
32	BKCB12989	Trần Thị Mai	Linh	19/04/1998	Nữ	8,33	9,0	Đạt	
33	BKCB12990	Bùi Thị Trúc	Linh	22/03/2005	Nữ	8,67	8,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
34	BKCB12991	Trần Hoàng	Long	09/10/2003	Nam	9,33	9,0	Đạt	
35	BKCB12992	Bùi Thị Cẩm	Ly	21/09/2006	Nữ	8,67	7,67	Đạt	
36	BKCB12993	Lê Công	Lý	16/07/2004	Nam	7,0	7,5	Đạt	
37	BKCB12994	Nguyễn Khoa Hải	Minh	23/11/2003	Nam	8,33	9,33	Đạt	
38	BKCB12995	Bùi Hoàng Hà	My	20/01/2006	Nữ	9,33	9,33	Đạt	
39	BKCB12996	Phạm Mỹ	Nga	26/08/2006	Nữ	8,67	9,33	Đạt	
40	BKCB12997	Trần Ngô Thanh	Nga	27/05/2005	Nữ	9,0	9,0	Đạt	
41	BKCB12998	Huỳnh Phụng	Nghi	27/06/2004	Nữ	8,33	8,67	Đạt	
42	BKCB12999	Lê Nguyễn Hoài	Ngọc	12/03/2004	Nữ	7,0	7,0	Đạt	
43	BKCB13000	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/09/2001	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
44	BKCB13001	Phạm Nguyễn	Nguyên	10/07/2006	Nam	7,67	5,0	Đạt	
45	BKCB13002	Nguyễn Minh	Nguyệt	24/12/2004	Nữ	5,67	7,67	Đạt	
46	BKCB13003	Lê Trọng	Nhân	09/02/1994	Nam	7,0	5,67	Đạt	
47	BKCB13004	Dương Nguyễn Ngọc	Nhi	29/10/2006	Nữ	9,0	9,67	Đạt	
48	BKCB13005	Nguyễn Đông	Nhi	29/12/2002	Nữ	8,33	9,33	Đạt	
49	BKCB13006	Nguyễn Phương	Nhi	28/04/2006	Nữ	7,67	7,0	Đạt	
50	BKCB13007	Phan Cẩm	Nhung	14/11/1995	Nữ	9,0	5,67	Đạt	
51	BKCB13008	Võ Hoàng	Phi	02/05/2003	Nam	7,67	6,67	Đạt	
52	BKCB13009	Châu Thanh	Phong	03/11/1988	Nam				Vắng
53	BKCB13010	Nguyễn Đức	Phú	10/10/2003	Nam	5,0	5,33	Đạt	
54	BKCB13011	Lê Trọng	Phúc	01/01/2003	Nam	7,0	7,67	Đạt	
55	BKCB13012	Nguyễn Hồng	Phúc	19/03/2006	Nam	6,0	8,67	Đạt	
56	BKCB13013	Phan Nguyễn Xuân	Phúc	05/06/2004	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
57	BKCB13014	Hoàng Vũ Thùy	Phương	28/08/2001	Nữ	7,67	9,67	Đạt	
58	BKCB13015	Nguyễn Hoàng Minh	Phương	27/10/2003	Nam	9,0	8,67	Đạt	
59	BKCB13016	Võ Đỗ Thu	Phương	06/08/2006	Nữ				Vắng
60	BKCB13017	Lê Đỗ Minh	Quân	04/11/2003	Nam	9,67	8,67	Đạt	
61	BKCB13018	Lê Bảo	Quốc	07/07/1985	Nam	6,33	6,33	Đạt	
62	BKCB13019	Phan Nguyễn Trúc	Quyên	26/11/2000	Nữ	7,0	7,33	Đạt	
63	BKCB13020	Nguyễn Hà Như	Quỳnh	15/05/2004	Nữ	9,33	9,0	Đạt	
64	BKCB13021	Cao Thiên	Tài	08/02/2002	Nam	6,0	5,33	Đạt	
65	BKCB13022	Bùi Thị Hồng	Thắm	26/07/2005	Nữ	8,67	6,67	Đạt	
66	BKCB13023	Lê Thị	Thạo	25/01/1985	Nữ	8,33	5,33	Đạt	
67	BKCB13024	Diệp Lê Nhật	Thu	08/11/2003	Nữ	6,67	7,33	Đạt	
68	BKCB13025	Vũ Ngọc Minh	Thư	04/06/2004	Nữ	8,33	6,0	Đạt	
69	BKCB13026	Võ Thị Diễm	Thúy	13/03/2001	Nữ	9,67	9,33	Đạt	
70	BKCB13027	Phan Thị Bích	Thủy	02/05/1966	Nữ	7,67	7,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
71	BKCB13028	Huỳnh Trung	Tính	15/10/2001	Nam	9,33	8,67	Đạt	
72	BKCB13029	Ngô Thị Tú	Trâm	20/11/2003	Nữ	2,67	0,0	Không đạt	
73	BKCB13030	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	16/08/2006	Nữ				Vắng
74	BKCB13031	Lê Thị Huyền	Trang	04/09/1995	Nữ	8,67	5,33	Đạt	
75	BKCB13032	Lê Thị Huyền	Trang	25/09/2006	Nữ	8,67	6,0	Đạt	
76	BKCB13033	Nguyễn Phương	Trang	25/07/2006	Nữ				Vắng
77	BKCB13034	Lê Đức	Trí	19/05/1997	Nam	9,67	6,33	Đạt	
78	BKCB13035	Nhung Quốc	Trung	14/10/2004	Nam	8,33	6,0	Đạt	
79	BKCB13036	Võ Thế	Trung	17/12/1983	Nam	9,0	9,67	Đạt	
80	BKCB13037	Lâm Ngọc	Tuấn	06/11/1999	Nam	7,67	7,0	Đạt	
81	BKCB13038	Nguyễn Anh	Tuấn	18/05/1998	Nam	6,0	5,0	Đạt	
82	BKCB13039	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	17/08/2003	Nữ	9,0	5,5	Đạt	
83	BKCB13040	Lê Thị Kim	Tuyển	29/06/2006	Nữ	6,67	5,0	Đạt	
84	BKCB13041	Nguyễn Thị Thanh	Vân	04/06/1985	Nữ	9,0	7,0	Đạt	
85	BKCB13042	Cao Tâm	Văn	01/06/1986	Nam	9,67	6,67	Đạt	
86	BKCB13043	Nguyễn Thị Bích	Vân	16/08/2005	Nữ	9,0	8,0	Đạt	
87	BKCB13044	Nguyễn Xuân	Vinh	18/04/2002	Nam	9,33	6,0	Đạt	
88	BKCB13045	Phạm Hữu	Vinh	16/06/1993	Nam	9,33	8,0	Đạt	
89	BKCB13046	Nguyễn Thảo	Vy	02/07/2005	Nữ	9,33	5,0	Đạt	
90	BKCB13047	Nguyễn Tuyết	Vy	30/05/2002	Nữ	8,67	5,67	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) >=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh: 90
Số thí sinh đạt: 81
Số lượng hiện diện: 85

Thư ký Hội đồng
Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt
Thoại Nam